

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: BÁC SĨ THÚ Y

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TY02009: NẤM VÀ BỆNH DO NẤM GÂY RA
(VETERINARY MYCOLOGY)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 5
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ: 2 (Lý thuyết 1.5 – Thực hành 0.5- Tự học 6)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 22.5 tiết
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm: 7.5 tiết
- Giờ tự học: 90 tiết (theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Vi sinh vật – Truyền nhiễm
 - Khoa: Thú y
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành x		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn x	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần học song hành: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng

**Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:*

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
<i>Kiến thức chuyên môn</i>	
CĐR2. Áp dụng kiến thức thú y vào việc phòng chống dịch bệnh cho động vật một cách hiệu quả.	2.3. Áp dụng kiến thức thú y vào việc triển khai các chương trình phòng chống dịch bệnh cho động vật
<i>Kỹ năng chung</i>	
CĐR5. Vận dụng tư duy phân biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề một cách hiệu quả.	5.3. Vận dụng tư duy phân biện và sáng tạo trong giải quyết vấn đề bao gồm nhận biết vấn đề, nhận biết khi

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
	nào và bằng cách nào thu thập thông tin, đánh giá và lựa chọn thông tin cần thiết cho việc giải quyết vấn đề
<i>Kỹ năng chuyên môn</i>	
CDR9. Tư vấn về kỹ thuật, công nghệ và kinh doanh trong lĩnh vực thú y theo định hướng mang lại lợi ích kinh tế với sự cân nhắc về sự an toàn cho con người, sức khỏe vật nuôi và môi trường sinh thái.	9.2. Tư vấn về công nghệ trong lĩnh vực thú y
CDR11. Nghiên cứu khoa học giải quyết thành công các vấn đề của lĩnh vực thú y.	11.4. Vận dụng các kết quả nghiên cứu vào việc giải quyết thành công các vấn đề của lĩnh vực thú y
<i>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>	
CDR12. Tuân thủ qui định và luật pháp, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp.	12.1. Tuân thủ pháp luật về thú y và các quy định liên quan

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

* Mục tiêu:

- Về kiến thức: học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về vi nấm, nguyên lý và phương pháp phòng trị bệnh do nấm gây ra, những kiến thức cơ bản của một số bệnh do nấm gây ra ở động vật nuôi và biện pháp phòng trị.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng chung: học phần rèn luyện sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và giao tiếp hiệu quả

+ Kỹ năng chuyên môn: học phần rèn luyện sinh viên kỹ năng thực hiện các thao tác, kỹ thuật lấy mẫu bệnh phẩm ứng dụng trong chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh; kỹ thuật nuôi cấy nấm men, nấm sợi; phương pháp kiểm tra hình thái một số loại nấm bằng cách sử dụng các máy móc phương tiện hiện đại.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: học phần rèn luyện cho sinh viên thái độ chủ động học tập, tích lũy và vận dụng kiến thức về vi nấm và các bệnh nấm ở động vật để phòng và điều trị bệnh hiệu quả.

* Kết quả học tập mong đợi của học phần:

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT				
		2.3	5.3	9.2	11.4	12.1
TY02009	Nấm và bệnh do nấm gây ra	P	P	P	P	P

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Áp dụng hiểu biết về đặc tính sinh học của vi nấm và biểu hiện bệnh do nấm gây ra trên vật nuôi trong chẩn đoán và phòng trị bệnh	2.3. Áp dụng kiến thức thú y vào việc Triển khai các chương trình phòng chống dịch bệnh cho động vật
Kỹ năng		
K2	Thực hiện thành thạo các quy trình kỹ thuật lâm sàng và phi lâm sàng trong chẩn đoán và phòng trị bệnh do nấm gây ra ở vật nuôi	5.3. Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo trong giải quyết vấn đề bao gồm nhận biết vấn đề, nhận biết khi nào và bằng cách nào thu thập thông tin, đánh giá và lựa chọn thông tin cần thiết cho việc giải quyết vấn đề
K3	Hướng dẫn các quy trình kỹ thuật trong chẩn đoán bệnh do nấm gây ra theo định hướng mang lại lợi ích kinh tế	9.2. Tư vấn về công nghệ trong lĩnh vực thú y
K4	Phối hợp các hoá dược để điều trị hiệu quả các bệnh do nấm gây ra	11.4. Vận dụng các kết quả nghiên cứu vào việc giải quyết thành công các vấn đề của lĩnh vực thú y
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K5	Tuân thủ quy định môn học, quy tắc phòng thí nghiệm, quy trình chẩn đoán bệnh do nấm gây ra	12.1. Tuân thủ pháp luật về thú y và các quy định liên quan

IV. Nội dung tóm tắt của học phần

TY02009. Nấm và bệnh do nấm gây ra (Mycology and mycoses) (2TC: 1,5 – 0,5 – 6)

Nội dung: Học phần này gồm Nấm học đại cương; Nguyên tắc phòng và điều trị bệnh do nấm gây ra; Nấm học chuyên khoa – Một số bệnh do nấm và độc tố của nấm gây ra. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng kết hợp thuyết trình theo nhóm và giảng dạy thông qua thực hành. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần 20%; thuyết trình 30%; thi cuối kỳ 50%. **Học phần tiên quyết:** TY02005 (Vi sinh vật đại cương).

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

KQHTMD \ PPGD	K1	K2	K3	K4	K5
Thuyết giảng	x				x
Seminar theo nhóm	x		x		x
Thực hành		x		x	x

2. Phương pháp học tập

Người học tiếp nhận kiến thức bằng nhiều hình thức: thông qua bài giảng, thông qua giáo trình tham khảo và có trao đổi, chia sẻ, thảo luận nhóm thông tin liên quan đến học phần.

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải dự lớp, sinh viên không được vắng mặt quá 1/4 số tiết quy định.
- Seminar theo nhóm: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải thảo luận và chuẩn bị thuyết trình theo nhóm. Số chủ điểm, số nhóm có thể phân dựa trên sĩ số sinh viên tham dự học phần.
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự đủ bài thực hành. Sau mỗi buổi thực hành, sinh viên phải làm thu hoạch, đây là điều kiện để tham dự kỳ thi hết môn.
- Thi cuối kì: 1 bài thi cuối kì theo lịch của ban Quản lý đào tạo

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 2. Ma trận đánh giá

KQHTMĐ	K1	K2	K3	K4	K5	Thời gian/tuần học
Đánh giá quá trình (40%)						
Rubric 1. Chuyên cần (10%)					x	Tuần 1-8
Rubric 2. Seminar theo nhóm (30%)	x		x		x	Tuần 3-8
Rubric 3. Thực hành (0%)		x		x	x	Tuần 3-8
Đánh giá cuối kì (60%)						
Rubric 4. Thi cuối kì (60%)	x					Theo lịch thi của Học viện

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp_10%)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5-10 điểm	Khá 6.5-8.4 điểm	Trung bình 4-6.4 điểm	Kém 0-3.9 điểm
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động 100%	Khá chú ý, có tham gia 60-80% các hoạt động	Có chú ý, tham gia 40-60% các hoạt động	Không tham gia/không chú ý

Thời gian tham dự	50	Tham dự đủ 100% bài học	Tham dự trên 90% bài học	Tham dự từ 70% -90%	Tham dự dưới 70% số buổi (không được vắng quá 2 buổi học lý thuyết; không được vắng thực hành)
-------------------	----	-------------------------	--------------------------	---------------------	--

Rubric 2. Đánh giá thực hành (0 %, không tính vào tổng số điểm. Điểm rubric 2: ĐẠT ≥ 4.0, KHÔNG ĐẠT < 4.0)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Thái độ tham dự	40	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ, tham gia 90-100%	Có tham gia thảo luận và chia sẻ 60-80%	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ 40-50%	Không tham gia thảo luận và chia sẻ
Kết quả thực hành	60	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu 90-100%	Kết quả thực hành đầy đủ 60-80% và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ 40-50% và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu

Rubric 3: Đánh giá seminar theo nhóm (30%)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5-10 điểm	Khá 6.5-8.4 điểm	Trung bình 4-6.4 điểm	Kém 0-3.9 điểm
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu (mức độ 85-100%)	Đầy đủ theo yêu cầu (mức độ 65-84%)	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng (mức độ 40-64%)	Thiếu nhiều nội dung quan trọng (dưới 40 %)
	10	Chính xác, khoa học (mức độ 85-100%)	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ (mức độ 65-84%)	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng (mức độ 40-64%)	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng (dưới 40%)
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý (mức độ 85-100%)	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý (mức độ 65-84%)	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý (mức độ 40-64%)	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý (dưới 40%)
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ (mức độ 85-100%)	Khá trực quan và thẩm mỹ (mức độ 65-84%)	Tương đối trực quan và thẩm mỹ (mức độ 40-64%)	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ (dưới 40%)
Kỹ năng trình bày	10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục (mức độ 85-100%)	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục (mức độ 65-84%)	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng (mức độ 40-64%)	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội

					dung quan trọng (dưới 40%)
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt (mức độ 85-100%)	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt (mức độ 65-84%)	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt (mức độ 40-64%)	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ (dưới 40%)
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống (mức độ 85-100%)	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống (mức độ 65-84%)	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống (mức độ 40-64%)	Quá giờ
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng (mức độ 85-100%)	Trả lời đúng đa số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được (mức độ 65-84%)	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được (mức độ 40-64%)	Không trả lời được đa số câu hỏi (dưới 40%)
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời (mức độ 85-100%)	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ (mức độ 65-84%)	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời (mức độ 40-64%)	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm (dưới 40%)
Đánh giá chéo của sinh viên trong nhóm	10	8.5 - 10 điểm	6.5 – 8.4 điểm	4 – 6.4 điểm	0 – 3.9 điểm

Rubric 4: Đánh giá thi cuối kì (60%)

Bảng 3. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	Chỉ báo: Phân biệt các nhóm vi nấm và bệnh do nấm gây ra trên vật nuôi; lựa chọn phối hợp các thuốc để điều trị bệnh hiệu quả.

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Thời gian dự lớp: Tất cả các trường hợp sinh viên vắng mặt quá 1/4 số tiết lý thuyết đều không đủ điều kiện dự thi cuối kì.

Tham dự các bài thực hành: Sinh viên bắt buộc phải tham dự đầy đủ các buổi thực hành, điểm thực hành ≥ 4.0 đủ điều kiện dự thi cuối kì.

Yêu cầu về đạo đức: Người học phải trung thực, không có bất kì hành vi gian lận trong suốt quá trình học tập, đặc biệt khi tham gia thi cuối kì.

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

*** Sách giáo trình/Bài giảng:**

Nguyễn Bá Hiên, Đặng Hữu Anh, Vũ Thị Ngọc, Cao Thị Bích Phượng (2021). Giáo trình Nấm học thú y. Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp.

*** Tài liệu tham khảo khác:**

1. Arunaloke Chakrabarti (2020). Clinical Practice of Medical Mycology in Asia. NXB Springer
2. Seyedmojtaba Seyedmousavi (2018). Emerging and Epizootic Fungal infections in Animals. NXB Springer
3. Thomas H. Walsh Randall T. Hayden Davise H (2018). Larone's Medically important fungi (2018). NXB ASM Press
4. Nguyễn Bá Hiên, Huỳnh Thị Mỹ Lê, Lê Văn Phan, Trương Hà Thái, Đặng Hữu Anh, Ngô Minh Hà, Vũ Thị Ngọc, Cao Thị Bích Phượng, Chu Thị Thanh Hương, Nguyễn Văn Giáp, Mai Thị Ngân, Lê Văn Trường, Trần Thị Hương Giang (2021). Thực hành vi sinh vật và bệnh truyền nhiễm thú y, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội.

IX. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	Chương 1: Nấm học đại cương	
1	A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: (1,5 tiết) 1.1. Đặc điểm chung về cấu tạo của giới nấm 1.2. Các dạng vi nấm 1.3. Đặc điểm cấu trúc của nấm Nội dung giảng dạy thực hành: (3 tiết) Cấu tạo và cách sử dụng kính hiển vi quang học, Kỹ thuật xét nghiệm nấm	K1, K2, K3, K4, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (13,5 tiết) – Hệ thống phân loại nấm	
2,3	Chương 1: Nấm học đại cương	

	<p>A/ Các nội dung chính trên lớp:</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (6 tiết)</p> <p>1.4. Nấm men (3 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm chung - Hình thái của tế bào nấm men - Cấu tạo tế bào - Sinh sản của nấm men - Vai trò của nấm men <p>1.5. Nấm sợi (nấm mốc) (3 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm chung - Dinh dưỡng và tăng trưởng của nấm mốc - Hình thái và cấu trúc của nấm sợi - Sinh sản của nấm sợi - Vai trò của nấm sợi <p>Nội dung giảng dạy thực hành: (3 tiết)</p> <p>Môi trường nuôi cấy nấm, phương pháp cấy chuyển nấm.</p>	K1, K2, K3, K4, K5
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (27 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chu trình phát triển của nấm men và nấm sợi - Phân loại nấm men nấm sợi 	
	<p>Chương 2: Phòng và chữa các bệnh do nấm</p>	
4	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</p> <p>2.1. Phòng bệnh do nấm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện vệ sinh để phòng nấm xâm nhập - Ngăn ngừa nhiễm nấm do lây lan <p>2.2. Điều trị bệnh do nấm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên tắc điều trị - Điều trị nấm da, nấm men, nấm nội tạng - Kháng sinh kháng nấm <p>Nội dung giảng dạy thực hành: (1.5 tiết)</p> <p>Đọc kết quả nuôi cấy nấm</p>	K1, K2, K3, K4, K5
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (13,5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hóa chất điều trị bệnh do nấm gây ra - Một số biệt dược điều trị nấm trên thị trường 	
5	<p>Chương 3: Nấm học chuyên khoa – Một số bệnh do nấm gây ra</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</p> <p>3.1. Bệnh nấm ở gia cầm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bệnh Favus (Nấm da, nấm mào) 	K1, K2, K3, K4, K5

	- Nấm đường tiêu hoá do Candida - Nấm phổi gia cầm	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) - Nấm phổi ở vịt - Nấm Dactylaria (Nấm não)	
6	Chương 3: Nấm học chuyên khoa – Một số bệnh do nấm gây ra	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết) 3.2. Bệnh nấm ở chó và mèo - Bệnh Aspergillus ở chó - Bệnh nấm da - Bệnh do nấm Blastomyces	K1, K2, K3, K4, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) - Bệnh viêm miệng do nấm - Bệnh do nấm Histoplasma	
7	Chương 3: Nấm học chuyên khoa – Một số bệnh do nấm gây ra	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết) 3.3. Bệnh nấm ở trâu bò - Bệnh nấm da lông ở bò 3.4. Bệnh nấm ở động vật thủy sản - Hội chứng lở loét ở cá - Bệnh nấm thủy mi ở thủy sản nước ngọt	K1, K2, K3, K4, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) - Bệnh nấm mang ở cá - Bệnh nấm Ichthyophonosis	
8	Chương 4: Bệnh nhiễm độc tố nấm mốc	K1, K2, K3, K4, K5
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết) 4.1. Aspergillus flavus và Aflatoxin và biện pháp phòng trị	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Tình hình nhiễm Aflatoxin trong chăn nuôi thú y	

X. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

Cơ sở vật chất đầy đủ cho việc học e-learning

- Phòng học chuyên môn, thực hành:

Phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thông thoáng, phòng thực tập dễ dàng vệ sinh tiêu độc

- Trang thiết bị máy móc:
 - + Máy chiếu (projector) và màn chiếu
 - + Loa cá nhân
 - + Bảng
 - + Phòng thực tập và phòng chuẩn bị thực tập được trang bị máy móc theo quy định chuyên môn vi sinh vật thú y.
- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Động vật mắc bệnh tự nhiên để chẩn đoán;
 - Các loại môi trường, dụng cụ, trang thiết bị và vật tư phục vụ cho giảng dạy chuyên khoa
- E- learning

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2022

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)


mm
Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Đặng Kiều Anh

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

KIỂM GIÁM ĐỌC
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Văn Cường


GS.TS. Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Đặng Hữu Anh	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn VSV-TN, khoa Thú Y	Điện thoại liên hệ: 0977832477
Email: dhanh@vnua.edu.vn	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: Email hoặc liên lạc trực tiếp	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Cao Thị Bích Phượng	Học hàm, học vị: Th.S
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn VSV-TN, khoa Thú y	Điện thoại liên hệ: 0978975868
Email: ctbphuong@vnua.edu.vn	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: Email hoặc liên lạc trực tiếp	

BẢNG TÓM TẮT TƯƠNG THÍCH GIỮA KQHTMD, DẠY- HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ

KQHTMD	K1	K2	K3	K4	K5
DẠY VÀ HỌC					
Thuyết giảng	x				x
Seminar theo nhóm	x		x		x
Thực hành		x		x	x
ĐÁNH GIÁ					
Rubric 1. Chuyên cần					x
Rubric 2. Seminar theo nhóm	x		x		x
Rubric 3. Thực hành		x		x	x
Rubric 4. Thi cuối kì	x				

CÁC LẦN CẢI TIẾN ĐỀ CƯƠNG:

- Lần 1: 7/ 2018 Rà soát cập nhật tài liệu tham khảo
- Lần 2: 7/ 2019 Rà soát cập nhật tài liệu tham khảo
- Lần 3: 7/ 2020 Rà soát cập nhật tài liệu tham khảo
- Lần 4: 7/ 2021 Rà soát cập nhật tài liệu tham khảo
- Lần 5: 7/ 2022 Rà soát cập nhật tài liệu tham khảo